

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 52
8. Phụ lục	53 - 59

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 05 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 – 28) 35 147 340
- Fax : (84 – 28) 38 406 790

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Nhà máy dệt 2 – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	Đường số 03, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Linh Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng	294 Ông Ích Khiêm, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Bình Thuận	215B Thủ Khoa Huân, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Hà Nội	184 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Cần Thơ	78 A1, Trần Văn Khéo, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang	Km1447, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Đà Lạt – Khách sạn Du Lys	14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Nha Trang – Cửa hàng bán lẻ may mặc	64 Quang Trung, Phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại Lâm Đồng	171 Thống Nhất, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tẩy, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyên giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Quang Sáng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Xuân Trinh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Liên Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2015

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Xuân Trinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013
Bà Bùi Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2010
Bà Phan Kim Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010
Ông Trần Ngọc Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Đinh Hồng Tiến	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011
Ông Lý Anh Tài	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Bà Lê Thị Ánh Ngọc	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Võ Đình Hùng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Phạm Minh Tuấn	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2017
Bà Trương Thị Ngọc Phượng	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016
Ông Đặng Thanh Phước	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Xuân Trinh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2019



Số: 1.0534/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2018-008-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.674.657.244.001	2.453.494.225.168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.702.976.496	66.275.335.698
1. Tiền	111		42.402.976.496	66.275.335.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.669.970.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.000.000.000	5.669.970.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.248.840.938.469	1.313.870.197.314
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	615.669.922.513	522.239.276.305
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.301.487.799	205.362.487.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	161.600.000.000	159.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	464.010.288.718	435.759.554.932
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.824.772.159)	(9.720.465.331)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		84.011.598	429.343.444
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.336.981.439.923	996.492.838.439
1. Hàng tồn kho	141		1.362.948.711.577	1.019.398.663.142
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.967.271.654)	(22.905.824.703)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.131.889.113	71.185.883.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.129.560.674	3.692.392.730
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.459.477.775	51.590.636.573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	4.542.850.664	15.902.854.414
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.753.190.277.124	2.858.234.324.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		337.632.413.896	504.795.457.924
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	6.024.000.000	6.456.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	331.608.413.896	498.339.457.924
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.721.138.657.802	1.384.799.060.774
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.676.513.130.627	1.338.592.942.548
- Nguyên giá	222		3.347.918.755.458	2.879.351.472.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.671.405.624.831)	(1.540.758.529.911)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	37.271.588.967	42.906.437.346
- Nguyên giá	225		45.942.798.350	50.334.824.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.671.209.383)	(7.428.386.809)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.353.938.208	3.299.680.880
- Nguyên giá	228		7.525.403.353	3.457.680.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.465.145)	(158.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	12.907.776.126	13.390.309.818
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.568.234.499)	(1.085.700.807)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		82.324.475.524	385.000.650.535
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	82.324.475.524	385.000.650.535
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		525.181.731.795	500.909.644.634
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	413.630.525.447	407.547.452.895
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	125.514.280.199	135.514.280.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c,2d	(14.163.073.851)	(42.152.088.460)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	200.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		74.005.221.981	69.339.201.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	42.895.838.698	33.923.168.657
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	31.109.383.283	35.416.032.650
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.427.847.521.125	5.311.728.550.160

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.746.468.991.852	3.661.195.656.704
I. Nợ ngắn hạn	310		2.393.068.886.493	1.996.447.764.355
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	382.339.057.016	196.019.557.403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	19.829.416.501	18.812.015.228
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	26.033.571.450	26.162.499.403
4. Phải trả người lao động	314	V.20	80.550.265.545	105.972.280.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	19.247.398.512	11.500.304.340
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22a	3.710.414.169	1.090.488.930
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23a	103.264.618.312	47.546.780.794
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24a	1.754.742.972.966	1.581.016.141.884
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	3.351.172.022	8.327.696.147
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.353.400.105.359	1.664.747.892.349
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22b	36.310.813.000	26.838.427.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23b	26.326.000.000	32.053.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24b	1.288.088.199.734	1.602.874.998.599
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	2.675.092.625	2.980.966.750
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kê toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.681.378.529.273	1.650.532.893.456
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.681.378.529.273	1.650.532.893.456
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	35.309.411.225	35.309.411.225
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	339.061.007.341	327.632.237.341
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27	291.153.672	381.828.119
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	414.677.387.285	379.755.136.378
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		185.454.382.293	379.755.136.378
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		229.223.004.992	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	145.330.659.750	160.745.370.393
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.427.847.521.125	5.311.728.550.160

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (VND)	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.509.967.758.428	3.024.185.455.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.657.906.521	3.562.982.188
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.499.309.851.907	3.020.622.473.682
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.204.731.983.938	2.734.373.558.897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		294.577.867.969	286.248.914.785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	37.029.365.364	67.752.668.290
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	160.848.745.367	151.503.506.659
Trong đó: chi phí lãi vay	23		161.958.746.028	132.917.357.011
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	332.009.484.710	269.465.533.913
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	131.320.830.866	110.628.389.084
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	180.433.609.934	193.169.547.435
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		191.013.531.876	168.165.673.810
12. Thu nhập khác	31	VI.8	95.259.837.693	26.763.225.637
13. Chi phí khác	32	VI.9	65.109.085.815	5.854.568.941
14. Lợi nhuận khác	40		30.150.751.878	20.908.656.696
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		221.164.283.754	189.074.330.506
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3.551.241.186	1.776.684.279
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	-	78.728.071
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>217.613.042.568</u>	<u>187.218.918.156</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>229.649.671.659</u>	<u>187.986.787.587</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(12.036.629.091)</u>	<u>(767.869.430)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.785</u>	<u>2.268</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>2.785</u>	<u>2.268</u>



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		221.164.283.754	189.074.330.506
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.13,	163.143.048.584	153.281.479.005
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8, V.26	(23.129.134.955)	6.359.807.287
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	15.434.892.292	1.422.413.938
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2, VI.4, VI.8	(358.123.093.380)	(337.642.651.516)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	161.958.746.028	132.917.357.011
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		180.448.742.323	145.412.736.231
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.753.954.751	109.852.220.437
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(346.054.482.177)	(269.135.299.334)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		363.791.859.649	(150.460.421.721)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.073.837.985)	(19.492.427.748)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.21, V.23, V.24, VI.4, VII	(175.297.639.302)	(150.854.001.213)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(6.290.242.732)	(4.727.399.773)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.25	73.974.845	1.174.648.015
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25, V.27	(44.066.464.664)	(26.790.891.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.285.864.708	(365.020.837.047)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.14, VII	(203.353.297.962)	(404.351.121.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8, VI.9, VII	10.890.870.562	13.991.934.946
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(700.000.000)	(21.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.202.031.572	44.154.030.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31.364.158.477	84.227.664.052
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, V.6, VI.4, VII	305.534.326.837	243.748.246.602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		147.938.089.486	(39.729.245.420)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.24	4.745.538.258.231	4.882.467.932.528
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.24	(4.827.698.120.841)	(4.353.051.996.614)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.24	(6.251.254.252)	(8.312.079.125)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23, V.27, VII	(84.395.589.300)	(143.637.796.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(172.806.706.162)	377.466.060.519
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23.582.751.968)	(27.284.021.948)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	66.275.335.698	93.575.358.513
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.392.766	(16.000.867)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	42.702.976.496	66.275.335.698

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay của Tổng Công ty tăng mạnh so với năm trước chủ yếu là do doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và doanh thu bán bất động sản. Ngoài ra, Nhà máy dệt vải denim ở Nha Trang đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2018 cũng góp phần làm tăng doanh thu trong năm nay.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	Số 727 Âu Cơ, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm dệt	60,99%	60,99%	60,99%	60,99%
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất các sản phẩm dệt	51,97%	51,97%	51,97%	51,97%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú	Số 17 Hai Bà Trưng, Phường Xương Huân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn và kinh doanh bất động sản	-	35,63%	-	35,63%
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may	71,00%	71,00%	71,00%	71,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Số 48 Tầng Nhon Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản	21,51%	21,51%	21,51%	21,51%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 09 Phù Đồng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Linen Supply Services	Nhà xưởng A, Khu Công nghiệp Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	Giặt công nghiệp, sản xuất các sản phẩm may mặc	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	Số 378 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	44,02%	44,02%	44,02%	44,02%
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Số 168B Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông	34,74%	36,47%	41,26%	43,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	Số 37 Trần Hưng Đạo, Phường 10, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Xây dựng công trình dân dụng	-	47,84%	-	47,84%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 5.041 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 5.335 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi của phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí thuê và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Chi phí thuê

Chi phí thuê xe được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (07 năm).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (12 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư trong 30 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

16. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng trợ cấp thôi việc.

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 01 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

19. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn).

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

20. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tổng Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

21. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

25. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.584.310.464	2.139.425.964
Tiền gửi ngân hàng	37.818.666.032	64.135.909.734
Các khoản tương đương tiền (*)	300.000.000	-
Cộng	42.702.976.496	66.275.335.698

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm tại các ngân hàng.

2b. Đầu tư vào công ty con

Tình hình hoạt động của các công ty con

Ngày 6 tháng 6 năm 2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa thông báo giải thể Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.253.638.578	140.003.312.448	225.256.951.026	85.253.638.578	130.661.497.979	215.915.136.557
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	10.000.000.000	875.130.871	10.875.130.871	10.000.000.000	1.622.379.618	11.622.379.618
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	6.769.616.000	(1.294.345.874)	5.475.270.126	6.769.616.000	(1.415.312.799)	5.354.303.201
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	144.586.200.608	15.998.081.752	160.584.282.360	144.586.200.608	(591.720.256)	143.994.480.352
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	8.654.516.237	2.784.374.827	11.438.891.064	8.654.516.237	4.055.356.005	12.709.872.242
Công ty TNHH Linen Supply Services	6.366.000.000	(6.366.000.000)	-	6.366.000.000	(6.366.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	-	-	-	18.944.120.000	(992.839.075)	17.951.280.925
Cộng	261.629.971.423	152.000.554.024	413.630.525.447	280.574.091.423	126.973.361.472	407.547.452.895

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Coats Phong Phú	215.915.136.557	334.763.898.455	(327.303.288.571)	1.881.204.585	225.256.951.026
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	11.622.379.618	379.445.053	(1.000.000.000)	(126.693.800)	10.875.130.871
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	5.354.303.201	768.536.355	(634.652.566)	(12.916.864)	5.475.270.126
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	143.994.480.352	(1.442.741.650)	-	18.032.543.658	160.584.282.360
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	12.709.872.242	(1.149.877.799)	-	(121.103.379)	11.438.891.064
Công ty TNHH Linen Supply Services	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân (*)	17.951.280.925	(1.309.775.704)	-	(16.641.505.221)	-
Cộng	407.547.452.895	332.009.484.710	(328.937.941.137)	3.011.528.979	413.630.525.447

(*) Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức đã điều chỉnh hội tố kết quả hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2017 theo Biên bản của Thanh tra Bộ Tài chính ngày 24 tháng 5 năm 2018. Theo đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức tăng lên 42.564.278.837 VND.

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Lợi nhuận được chia	327.303.288.571	284.470.404.518
Cung cấp dịch vụ	19.874.895.929	16.587.346.703
Nhận trước tiền thuê nhà máy	15.787.310.000	15.787.310.000
Bán thành phẩm, hàng hóa	330.263.007.892	273.766.075.962
Mua nguyên liệu	100.892.486.114	75.537.971.851
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn		
Cổ tức được chia	1.000.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt		
Cổ tức được chia	634.652.566	423.101.710

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú		
Daewon Thủ Đức		
Lãi cho vay	236.437.500	245.868.056
Bán hàng hóa	30.400.000	-
Cung cấp dịch vụ	-	420.589.800
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú		
Bán hàng hóa, thành phẩm	15.423.188.486	63.634.840.799
Thuê dịch vụ	688.704.996	953.922.493
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	-	12.418.905.650
Công ty TNHH Linen Supply Services		
Bán hàng hóa	1.040.994.894	-

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Tập đoàn dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã ký hợp đồng chuyển nhượng. Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.916.322.937	27.163.926.631
Hoàn nhập dự phòng	(26.916.322.937)	(247.603.694)
Số cuối năm	-	26.916.322.937

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của một số công ty liên kết với giá trị ghi sổ là 10.875.130.871 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.24).

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	13.027.052.451	-	13.027.052.451	-
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	32.288.540.334	-	32.288.540.334	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	12.533.634.095	-	12.533.634.095	-
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định Phong Phú	5.852.355.319	(5.852.355.319)	5.852.355.319	(5.852.355.319)
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	1.337.103.882	(1.337.103.882)	1.337.103.882	(1.337.103.882)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may	11.282.879.453	(4.725.954.997)	11.282.879.453	(4.725.954.997)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Rạch Giá	2.984.184.383	(1.374.457.085)	2.984.184.383	(1.078.721.195)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	12.018.427.562	-	12.018.427.562	(1.368.427.562)
Công ty Cổ phần Hưng Phú	1.813.677.769	-	1.813.677.769	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên	266.915.000	-	266.915.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3.216.754.481	-	3.216.754.481	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	14.093.555.470	-	14.093.555.470	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang (*)	-	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú Lăng Cô	7.299.200.000	(873.202.568)	7.299.200.000	(873.202.568)
Cộng	125.514.280.199	(14.163.073.851)	135.514.280.199	(15.235.765.523)

(*) Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.235.765.523	3.910.077.858
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(1.072.691.672)	11.325.687.665
Số cuối năm	14.163.073.851	15.235.765.523

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Một số khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị với giá trị ghi sổ là 52.234.451.123 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.24).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	192.938.009.618	140.798.864.462
Công ty TNHH Coats Phong Phú	106.292.184.361	61.133.310.622
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức	67.594.048.784	68.330.000.504
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	16.990.436.855	10.257.930.237
Công ty TNHH Linen Supply Services	2.061.339.618	1.077.623.099
Phải thu các khách hàng khác	422.731.912.895	381.440.411.843
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	90.739.520.157	42.996.032.039
Các khách hàng khác	331.992.392.738	338.444.379.804
Cộng	615.669.922.513	522.239.276.305

Các công ty trong Tập đoàn thế chấp quyền đòi nợ từ các khoản phải thu với giá trị tối thiểu 95.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.24).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	-	136.600.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	2.508.914.736	2.608.914.736
Các nhà cung cấp khác	16.792.573.063	66.153.573.228
Cộng	<u>19.301.487.799</u>	<u>205.362.487.964</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu cho vay bên liên quan</i>	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú	-	2.500.000.000
Deawon Thủ Đức	-	-
<i>Phải thu cho vay tổ chức khác</i>	161.600.000.000	157.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	161.600.000.000	157.300.000.000
Cộng	<u>161.600.000.000</u>	<u>159.800.000.000</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thuận Phú	4.800.000.000	4.800.000.000
Cán bộ công nhân viên	1.224.000.000	1.656.000.000
Cộng	<u>6.024.000.000</u>	<u>6.456.000.000</u>

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	195.000.000.000	-	137.168.276.680	(456.756.127)
Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia	195.000.000.000	-	136.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay	-	-	1.168.276.680	(456.756.127)
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	269.010.288.718	(3.242.551.090)	298.591.278.252	(4.542.551.090)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Lợi nhuận dự án hợp tác kinh doanh Đồng Mai	98.402.161.112	-	97.626.966.668	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay	83.145.025.271	-	86.299.430.312	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	15.368.313.778	-	11.687.278.064	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú - Phải thu tiền cho thuê đất	-	-	15.918.588.440	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư	20.000.000.000	-	28.155.996.716	-
Phải thu chờ xử lý	11.480.107.451	-	-	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	2.003.918.000	-
Phải thu lãi cho vay, tiền gửi	9.284.431.629	-	7.877.983.981	-
Tạm ứng	24.581.066.667	-	22.916.567.857	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	-	33.232.913	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.224.290.261	(3.242.551.090)	26.071.315.301	(4.542.551.090)
Cộng	464.010.288.718	(3.242.551.090)	435.759.554.932	(4.999.307.217)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền hợp tác kinh doanh	268.532.895.759	-	434.257.522.603	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	63.008.928.368	-	63.991.843.276	-
Phải thu dài hạn khác	66.589.769	-	90.092.045	-
Cộng	331.608.413.896	-	498.339.457.924	-

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có	Giá gốc	Giá trị có
		thể thu hồi		thể thu hồi
Công ty TNHH Linen Supply	-	-	254.402.448	254.402.448
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	-	3.242.551.090	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Hồng Lĩnh	-	-	1.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco Hải Phòng - Phải thu tiền bán hàng	787.538.760	-	787.538.760	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.826.464.968	3.031.782.659	7.394.911.277	3.004.535.796
Cộng	14.856.554.818	3.031.782.659	12.979.403.575	3.258.938.244

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.720.465.331	121.741.445.696
Tăng/(Giảm) trong năm	2.104.306.828	(112.020.980.365)
Số cuối năm	11.824.772.159	9.720.465.331

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	15.391.500	-	140.409.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	308.215.287.378	(2.760.151.362)	227.056.761.217	(5.951.966.990)
Công cụ, dụng cụ	102.491.150	-	67.743.757	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	609.847.037.513	(1.457.246.769)	453.035.770.213	-
Thành phẩm	420.289.531.650	(21.749.873.523)	319.248.608.652	(16.953.857.713)
Hàng hóa	1.193.466.448	-	141.755.289	-
Hàng gửi đi bán	23.285.505.938	-	19.707.614.814	-
Cộng	1.362.948.711.577	(25.967.271.654)	1.019.398.663.142	(22.905.824.703)

(*) Trong đó, trong năm Tổng Công ty đã ký hợp đồng nhận chuyển nhượng toàn bộ Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B, Quận 9 và trở thành chủ đầu tư của dự án theo Hợp đồng số 123/HĐCN ngày 22 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV.

Hàng tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 304.769.053.940 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.24).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.905.824.703	27.355.084.304
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	3.061.446.951	(3.704.190.976)
Xử lý hàng tồn kho	-	(745.068.625)
Số cuối năm	25.967.271.654	22.905.824.703

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	123.944.095	314.892.606
Chi phí sửa chữa	1.253.068.597	1.473.647.760
Chi phí quảng cáo	780.836.364	483.636.364
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc	932.205.000	1.420.216.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.039.506.618	-
Cộng	4.129.560.674	3.692.392.730

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	16.186.222.356	10.892.589.851
Chi phí sửa chữa	17.307.016.202	13.070.023.186
Chi phí thuê	1.526.500.000	1.952.500.000
Tiền thuê đất	4.173.528.052	4.655.088.976
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.702.572.088	3.352.966.644
Cộng	42.895.838.698	33.923.168.657

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.407.808.322.068 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	49.136.095.609	1.198.728.546	50.334.824.155
Mua lại tài sản thuê tài chính	(4.392.025.805)	-	(4.392.025.805)
Số cuối năm	44.744.069.804	1.198.728.546	45.942.798.350
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.408.407.999	19.978.810	7.428.386.809
Khấu hao trong năm	3.185.633.266	119.872.860	3.305.506.126
Mua lại tài sản thuê tài chính	(2.062.683.552)	-	(2.062.683.552)
Số cuối năm	8.531.357.713	139.851.670	8.671.209.383
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	41.727.687.610	1.178.749.736	42.906.437.346
Số cuối năm	36.212.712.091	1.058.876.876	37.271.588.967
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Sau khi kết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trưng (danh nghĩa).

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.299.680.880	158.000.000	3.457.680.880
Mua trong năm	3.641.795.200	235.927.273	3.877.722.473
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	190.000.000	190.000.000
Số cuối năm	6.941.476.080	583.927.273	7.525.403.353
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	158.000.000	158.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	158.000.000	158.000.000
Khấu hao trong năm	798.477	12.666.668	13.465.145
Số cuối năm	798.477	170.666.668	171.465.145

Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.299.680.880	-	3.299.680.880
Số cuối năm	6.940.677.603	413.260.605	7.353.938.208

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	14.476.010.625	1.085.700.807	13.390.309.818
Khấu hao trong năm		482.533.692	
Số cuối năm	14.476.010.625	1.568.234.499	12.907.776.126

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính là các căn hộ thuộc chung cư Nhân Phú đang cho thuê.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	13.088.921.061	50.507.664.374	(49.514.175.509)	(5.229.743.120)	8.852.666.806
Xây dựng cơ bản dở dang	368.298.389.474	115.677.548.980	(403.190.313.868)	(7.313.815.868)	73.471.808.718
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.613.340.000	9.392.820.066	(12.725.664.247)	(280.495.819)	-
Cộng	385.000.650.535	175.578.033.420	(465.430.153.624)	(12.824.054.807)	82.324.475.524

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 54.873.442.306 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 7.899.710.524 VND (năm trước là 13.073.019.627 VND).

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**15a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.625.865.469	8.925.535.253
Các chi phí phải trả	14.625.865.469	8.925.535.253
Lỗi tính thuế ⁽ⁱ⁾	168.224.355.084	108.574.841.907
Cộng	182.850.220.553	117.500.377.160

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

16. Lợi thế thương mại

Nguyên giá	
Số đầu năm	61.306.069.300
Số cuối năm	61.306.069.300
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	25.890.036.650
Phân bổ trong năm	4.306.649.367
Số cuối năm	30.196.686.017
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	35.416.032.650
Số cuối năm	31.109.383.283

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	49.299.166.698	29.944.939.425
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	66.000.000	66.000.000
Công ty TNHH Coats Phong Phú	49.233.166.698	29.754.969.425
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	-	123.970.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	333.039.890.318	166.074.617.978
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	39.316.412.046	-
Các nhà cung cấp khác	293.723.478.272	166.074.617.978
Cộng	382.339.057.016	196.019.557.403

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam	9.962.577.900	9.962.577.900
Các khách hàng khác	9.866.838.601	8.849.437.328
Cộng	19.829.416.501	18.812.015.228

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo quyết toán thuế tại Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam được hạch toán vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền là 50.607.305 VND.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ, dệt: 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm: 05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 43121000136 ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho công ty có dự án tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và Công văn số 979/CT-TTHT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận về việc hướng dẫn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm (từ năm 2012 đến 2026), miễn thuế 04 năm (từ năm 2013 đến năm 2016) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2025).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	1.384.432.181	1.336.848.609
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	508.651.065	56.206.939
Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	1.658.157.940	383.628.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.551.241.186	1.776.684.279

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất và thuế nhà đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng,... còn phải trả cho công nhân viên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>6.568.012.034</i>	<i>4.251.935.181</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Chi phí lãi vay	6.568.012.034	4.251.935.181
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.679.386.478</i>	<i>7.248.369.159</i>
Chi phí lãi vay	6.367.440.013	1.160.941.243
Chi phí hoa hồng	3.372.644.232	1.287.191.157
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.939.302.233	4.800.236.759
Cộng	<u>19.247.398.512</u>	<u>11.500.304.340</u>

22. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**22a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê nhà máy (xem thuyết minh số V.22b)	3.375.643.817	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác (*)	334.770.352	1.090.488.930
Cộng	<u>3.710.414.169</u>	<u>1.090.488.930</u>

(*) Doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ, số phải chiết khấu cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

22b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến khoản trả trước tiền thuê nhà máy của Công ty TNHH Coats Phong Phú đến ngày 30 tháng 6 năm 2031.

23. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**23a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>84.561.295.872</i>	<i>1.931.426.263</i>
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Chi phí lãi vay	2.261.944.672	1.931.426.263
Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Cổ tức phải trả	82.299.351.200	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>18.703.322.440</i>	<i>45.615.354.531</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Toàn Thanh Tuấn - Ứng trước tiền chuyển nhượng dự án Lagi	5.550.000.000	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	10.681.693.614	8.817.761.146
Chi phí lãi vay	687.791.668	15.010.005.203
Cổ tức phải trả	907.274.995	851.966.695
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	53.000.000	345.940.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	823.562.163	15.589.681.487
Cộng	<u>103.264.618.312</u>	<u>47.546.780.794</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ứng trước dự án và nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính	26.326.000.000	25.326.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	5.226.000.000	5.226.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	19.500.000.000	18.500.000.000
- Nhận góp vốn của các tổ chức, cá nhân khác	1.600.000.000	1.600.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn khác	-	6.727.500.000
Cộng	<u>26.326.000.000</u>	<u>32.053.500.000</u>

23c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**24a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
Vay ngắn hạn Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.734.742.972.966</i>	<i>1.561.016.141.884</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾	1.508.092.140.453	1.397.619.520.205
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	283.216.968.306	68.854.831.568
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	5.012.508.317	161.726.753.324
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	210.996.699.815	281.379.233.193
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	963.650.432.477	743.030.682.235
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.775.178.400	132.758.837.349
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	40.440.353.138	9.869.182.536
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	91.952.805.844	42.963.918.851
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24b)	4.698.026.669	6.432.702.828
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả ⁽ⁱⁱⁱ⁾	130.000.000.000	114.000.000.000
Cộng	<u>1.754.742.972.966</u>	<u>1.581.016.141.884</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.⁽ⁱⁱ⁾ Các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán chi phí và phát hành thư bảo lãnh.⁽ⁱⁱⁱ⁾ Trái phiếu thường, mệnh giá 1.000.000.000 VND, được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong đó, số dư nợ vay của các công ty trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

- Các khoản vay và phát hành trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và các khoản vốn góp của Tổng Công ty trong một số công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (xem thuyết minh số V.2 và V.10).
- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang tại các ngân hàng ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 438.339.594.538 VND được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản như sau:
 - Tài sản hình thành trong tương lai là nhà máy dệt kim tại Km 1.447 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
 - Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang bao gồm các thành phẩm, hàng hóa và nguyên vật liệu dệt may; tài sản cố định hữu hình là 2 nhà máy đánh ống tự động Murata Auto Winder; tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Khánh Hòa phát hành và bất động sản, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đủ điều kiện đảm bảo theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ (xem thuyết minh số V.8 và số V.10).
 - Máy móc thiết bị Nhà máy Sợi 1, Sợi 2, Nhà máy May 4 và 6 xe ô tô; 04 máy nhuộm đồng bộ Fongs cùng một xe ô tô Toyota Camry (xem thuyết minh số V.10).
 - Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại 12 Nguyễn Gia Thiều, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; quyền sử dụng đất tại Km 1.447 Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 54 Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh xem thuyết minh số V.10).
 - Các khoản phải thu có giá trị tối thiểu 60.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.3).
- Số dư nợ vay của Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú tại các ngân hàng ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 273.816.907.288 VND được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản như sau:
 - Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 tại Ninh Thuận và toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị thuộc dự án, hệ thống 30 máy dệt khí đã qua sử dụng hiệu ZA207TI, hệ thống máy móc, thiết bị hình thành từ dự án “Đầu tư 04 máy se cứng và 01 máy đầu thế hệ mới” (xem thuyết minh số V.10 và V.14).
 - Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ, quyền được phân chia và sử dụng/ khai thác và/ hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn;...) phát sinh từ tất cả các hợp đồng kinh tế được ký kết với Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với giá trị tại mọi thời điểm là 35.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.3).
 - Hàng tồn kho luân chuyển với giá trị tại mọi thời điểm là 15.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả bên liên quan	541.018.521.676	529.148.465.922
Tập đoàn Dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾	541.018.521.676	529.148.465.922

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	747.069.678.058	1.073.726.532.677
Vay dài hạn ngân hàng	592.820.998.450	594.621.367.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.320.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	515.263.678.450	531.602.504.656
Ngân hàng TMCP An Bình	-	373.334.668
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ⁽ⁱⁱⁱ⁾	43.560.000.000	43.560.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	20.460.000.000	17.765.528.361
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ^(v)	13.537.320.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	13.810.000.000	106.181.598.080
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Lợi	-	32.000.000.000
Onshine Investment Limited	-	70.331.598.080
Quỹ bảo vệ môi trường ^(vi)	13.810.000.000	3.850.000.000
Vay dài hạn các cá nhân ^(vii)	125.164.224.176	153.382.839.308
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(viii)	15.274.455.432	19.540.727.604
Trái phiếu thường dài hạn	-	200.000.000.000
Cộng	<u>1.288.088.199.734</u>	<u>1.602.874.998.599</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Tập đoàn Dệt may Việt Nam để tái cấu trúc tài chính, trả nợ cho các khoản nợ dài hạn của các tổ chức tín dụng theo các nội dung Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã cam kết với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:
- Thanh toán các chi phí liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư nhà máy dệt vải Denim Nha Trang” với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
 - Thanh toán chi phí thực hiện dự án “Đầu tư nhà máy sản xuất vải dệt kim” tại Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án “Đầu tư nhà máy sản xuất dệt kim” gồm toàn bộ máy móc và toàn bộ tài sản trên đất hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án tại Km 1447 Quốc lộ 1A, Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.10).
 - Đầu tư xây dựng nhà xưởng, văn phòng và mua sắm máy móc thiết bị thuộc dự án Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú tại Ninh Thuận với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 2 tại Ninh Thuận và toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị thuộc dự án (xem thuyết minh số V.10 và V.14).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bù đắp các chi phí các dự án “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” tại thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận với với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là công trình “Nhà máy khăn bông Quảng Phú” và tài sản là máy móc, thiết bị thuộc dự án “Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú 1” (xem thuyết minh số V.10 và V.14).
 - Đầu tư mua máy móc thiết bị tại Nhà máy dệt Hải Vân với với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của phương án “Đầu tư máy móc thiết bị nhà máy Hải Vân” (xem thuyết minh số V.10 và V.14).
 - Đầu tư thực hiện dự án Khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 tại Thôn Hạnh Trí, Xã Quảng Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận với lãi suất theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là máy móc, thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng của dự án Nhà máy Khăn bông Quảng Phú - Giai đoạn 2 (xem thuyết minh V.10 và V.14).
 - Đầu tư 04 máy se cứng và 01 máy đậu thuộc dự án “Đầu tư mở rộng Nhà máy se sợi”. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú – Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2, hồ xử lý nước thải giai đoạn 2 với công suất 3.700m³/ngày đêm và hệ thống máy móc thiết bị thuộc dự án, hệ thống 30 máy dệt khí đã qua sử dụng hiệu AZ207TI, hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án “Đầu tư 04 máy se cứng và 01 máy đậu thế hệ mới” (xem thuyết minh V.10 và V.14).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín để ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án “Khu nhà ở - Trung tâm thương mại và siêu thị Đông Nam”.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng Dự án nhà nghỉ dưỡng cho cán bộ, công nhân viên số 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp dự án này (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để thanh toán L/C đầu tư máy móc thiết bị, thời hạn vay là 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (vi) Khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam cho các mục đích sử dụng vốn vay như sau:
- Khoản vay 12 tỷ VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.250m³/ngày đêm với lãi suất 3,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.
 - Khoản vay 15 tỷ VND để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải Nhà máy sản xuất khăn bông Quảng Phú, công suất 1.850 m³/ngày đêm với lãi suất 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh của ngân hàng.
- (vii) Khoản vay dài hạn các cá nhân và các tổ chức khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (viii) Khoản nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thuê máy móc thiết bị nhuộm, máy hồ, máy nhuộm khăn và xe ô tô. Số tiền nợ gốc và lãi được hoàn trả hàng tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	672.013.804.294	79.192.805.844	440.853.359.615	151.967.638.835
Vay dài hạn các tổ chức khác	567.588.521.676	12.760.000.000	54.657.005.719	500.171.515.957
Vay dài hạn các cá nhân	125.164.224.176	-	-	125.164.224.176
Nợ thuê tài chính	19.972.482.101	4.698.026.669	15.274.455.432	-
Trái phiếu thường	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-
Cộng	1.514.739.032.247	226.650.832.513	510.784.820.766	777.303.378.968
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	635.405.286.536	40.783.918.851	443.273.842.768	151.347.524.917
Vay dài hạn các tổ chức khác	637.510.064.002	2.180.000.000	59.653.673.348	575.676.390.654
Vay dài hạn các cá nhân	153.382.839.308	-	-	153.382.839.308
Nợ thuê tài chính	25.973.430.432	6.432.702.828	19.540.727.604	-
Trái phiếu thường	314.000.000.000	114.000.000.000	200.000.000.000	-
Cộng	1.766.271.620.278	163.396.621.679	722.468.243.720	880.406.754.879

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

24c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.265.787.951	11.800.856.000	1.838.000	(14.023.965.635)	1.044.516.316
Quỹ phúc lợi	2.240.615.682	7.754.314.027	72.136.845	(8.760.410.848)	1.306.655.706
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.821.292.514	12.000.842.000	-	(13.822.134.514)	1.000.000.000
Cộng	8.327.696.147	31.556.012.027	73.974.845	(36.606.510.997)	3.351.172.022

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp mất việc làm. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.980.966.750	4.223.424.771
Trích lập bổ sung	120.882.872	-
Số sử dụng	(426.756.997)	(1.242.458.021)
Số cuối năm	2.675.092.625	2.980.966.750

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

27b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	374.087.960.000	374.087.960.000
Các cổ đông khác	372.620.950.000	372.620.950.000
Cộng	746.708.910.000	746.708.910.000

27c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	74.670.891	74.670.891
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu phổ thông	74.670.891	74.670.891
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 18 tháng 4 năm 2018 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông (22%/mệnh giá cổ phiếu)	164.275.960.200
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (08%)	18.462.057.000
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (06%)	13.846.542.000
• Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành (03%)	6.923.271.375
• Thường vượt kế hoạch (10% Lợi nhuận vượt kế hoạch)	5.077.570.625

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền 5.000.000.000 VND.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

28a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.356.848.716	3.051.992.625
Trên 01 năm đến 05 năm	4.082.126.273	5.399.372.557
Trên 05 năm	-	-
Cộng	6.438.974.989	8.451.365.182

Các công ty trong Tập đoàn ký các hợp đồng thuê kho và nhà xưởng dưới hình thức thuê hoạt động với thời hạn thuê từ 03 đến 05 năm.

28b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	348.386,71	337.240,29
Euro (EUR)	267,40	2,86

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	2.526.839.438.634	2.385.204.911.482
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	890.428.636.265	638.980.544.388
Doanh thu kinh doanh bất động sản	92.699.683.529	-
Cộng	<u>3.509.967.758.428</u>	<u>3.024.185.455.870</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn Dệt may Việt Nam là 135.740.730 VND (năm trước là 512.131.400 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	1.688.711.891	1.568.353.653
Hàng bán bị trả lại	8.937.997.290	1.994.628.535
Giảm giá hàng bán	31.197.340	-
Cộng	<u>10.657.906.521</u>	<u>3.562.982.188</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.290.406.915.558	2.161.039.979.425
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	819.107.163.509	577.037.770.449
Giá vốn của bất động sản đã bán	92.156.457.920	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	3.061.446.951	(3.704.190.976)
Cộng	<u>3.204.731.983.938</u>	<u>2.734.373.558.897</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	166.901.222	188.032.010
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	719.164.316
Lãi trả chậm thanh toán	2.010.052.500	-
Lãi tiền cho vay	11.702.066.884	12.865.612.976
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.532.050.000	13.984.701.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.790.934.997	6.348.253.652
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	433.141.371	100.352.123
Lãi do thoái vốn	-	11.605.756.118
Lãi từ giải thể công ty con	219.158.477	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000.000	21.771.741.235
Doanh thu hoạt động tài chính khác	175.059.913	169.054.660
Cộng	<u>37.029.365.364</u>	<u>67.752.668.290</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	161.958.746.028	132.917.357.011
Lãi trả chậm thanh toán	-	22.266.926
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.513.930.019	3.878.219.128
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.868.033.663	1.522.766.061
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	701.063.828	2.083.595.715
Dự phòng tổn thất đầu tư	(27.989.014.610)	11.078.083.971
Chi phí hoạt động tài chính khác	795.986.439	1.217.847
Cộng	<u>160.848.745.367</u>	<u>151.503.506.659</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	30.897.000.087	30.309.320.818
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.212.138.416	236.065.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	65.348.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.578.177.673	18.898.419.576
Chi phí khác	72.633.514.690	61.119.235.096
Cộng	<u>131.320.830.866</u>	<u>110.628.389.084</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	90.070.042.417	91.876.193.165
Chi phí vật liệu quản lý	6.295.037.203	6.431.272.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.217.024.770	2.884.805.282
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	4.306.649.367	5.292.220.721
Thuế, phí và lệ phí	4.004.819.256	7.989.485.906
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.104.306.828	228.372.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.023.748.511	17.312.717.079
Chi phí khác	34.411.981.582	61.154.480.571
Cộng	<u>180.433.609.934</u>	<u>193.169.547.435</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	9.313.737.472
Thu nhập từ tiền vay và lãi vay được miễn	75.776.977.256	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.842.799.755	3.771.638.889
Tiền bồi thường của bảo hiểm	14.346.713.777	12.500.000.000
Thu nhập khác	2.293.346.905	1.177.849.276
Cộng	<u>95.259.837.693</u>	<u>26.763.225.637</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.638.602.863	-
Chi phí giải phóng mặt bằng	61.818.181.818	-
Tiền thuê đất nộp bổ sung	-	1.197.224.517
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng	45.450.000	120.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính	329.241.276	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	14.571.394	3.444.984.963
Khấu hao các tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng chờ thanh lý	-	106.761.607
Chi phí khác	263.038.464	985.597.854
Cộng	<u>65.109.085.815</u>	<u>5.854.568.941</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	229.649.671.659	187.986.787.587
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(14.160.309.972)	(14.089.257.546)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	(7.080.154.986)	(6.939.753.945)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(426.666.667)	(426.666.668)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	207.982.540.035	166.531.109.428
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	74.670.891	73.419.309
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.785</u>	<u>2.268</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu lãi cho vay cần trừ vào chi phí lãi vay	13.242.116.743	8.788.110.890
Thanh lý tài sản cố định hữu hình chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	161.900.000
Góp vốn bằng cổ tức phải thu	-	184.716.108
Thuế giá trị gia tăng tính vào gốc nợ thuê tài chính, không tính vào giá trị tài sản	-	94.009.091
Cần trừ khoản phải thu hồi tiền gốc cho vay với công nợ phải trả	1.200.000.000	-
Tiền lãi cho vay nhập vào tiền gốc	6.000.000.000	-
Cần trừ lãi cho vay phải thu với công nợ phải trả	800.000.000	-
Kết chuyển khoản vay vào thu nhập khác do đã hoàn tất nghĩa vụ di dời tài sản trên đất	70.331.598.080	-
Kết chuyển lãi vay phải trả vào thu nhập khác	11.839.160.892	-
Cần trừ công nợ thanh lý tài sản cố định	632.090.909	-
Cần trừ cổ tức phải trả với công nợ phải thu	135.711.400	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận nợ phải trả	8.725.893.151	22.934.556.761
Trả trước mua tài sản cố định	10.206.055.515	10.584.653.424
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	-	3.205.909.091
Nhận ứng trước tiền chuyển nhượng dự án	5.550.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	9.034.862.284	11.173.159.764
Trên 01 năm đến 05 năm	29.372.152.000	25.109.469.285
Trên 05 năm	81.752.565.000	32.470.877.000
Cộng	<u>120.159.579.284</u>	<u>68.753.506.050</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 4.154.184.892 VND (năm trước là 4.022.112.442 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Coats Phong Phú	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với Tập đoàn Dệt may Việt Nam như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay phải trả	22.320.365.580	15.988.033.874
Mua dịch vụ	2.821.345.894	2.814.415.894
Mua nguyên liệu	3.323.073.600	-
Cổ tức phải trả	82.299.351.200	67.335.833.358

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.17, V.21, V.23 và V.24.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sợi, vải, khăn, chỉ may, may mặc thời trang,..
- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác: mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 05 đính kèm.

3b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tổng Công ty chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	2.317.325.679.175	1.813.042.309.653
Các nước khác	1.181.984.172.732	1.207.580.164.029
Cộng	<u>3.499.309.851.907</u>	<u>3.020.622.473.682</u>

5. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và thời gian phân bổ của chi phí trả trước dài hạn. Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới và thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định và các chi phí trả trước dài hạn của Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

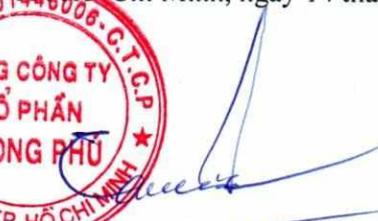
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhom Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	565.456.247.847	2.256.651.197.873	52.466.575.209	4.316.647.380	460.804.150	2.879.351.472.459
Mua trong năm	331.528.182	28.653.101.017	1.806.612.500	-	-	30.791.241.699
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	219.776.061.409	229.146.591.747	9.309.331.894	7.008.168.574	-	465.240.153.624
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	4.392.025.805	-	-	-	4.392.025.805
Phân loại lại	(10.818.603.581)	10.818.603.581	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.138.092.688)	(6.155.216.191)	-	-	(31.293.308.879)
Giảm khác	-	(562.829.250)	-	-	-	(562.829.250)
Số dư cuối năm	774.745.233.857	2.503.960.598.085	57.427.303.412	11.324.815.954	460.804.150	3.347.918.755.458
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	67.876.402.783	289.073.924.421	15.249.840.565	4.520.435.144	-	376.720.602.913
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	215.478.537.818	1.281.037.014.301	40.012.258.771	3.769.914.870	460.804.150	1.540.758.529.911
Khấu hao trong năm	22.599.960.896	127.726.697.122	4.012.346.291	695.889.945	-	155.034.894.254
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	2.062.683.552	-	-	-	2.062.683.552
Phân loại lại	(2.873.305.096)	2.873.305.096	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.177.211.639)	(5.710.441.997)	-	-	(25.887.653.636)
Giảm khác	-	(562.829.250)	-	-	-	(562.829.250)
Số dư cuối năm	235.205.193.618	1.392.959.659.182	38.314.163.065	4.465.804.815	460.804.150	1.671.405.624.831
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	349.977.710.029	975.614.183.572	12.454.316.438	546.732.510	-	1.338.592.942.548
Số cuối năm	539.540.040.239	1.111.000.938.903	19.113.140.347	6.859.011.139	-	1.676.513.130.627

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý

ecaw

Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu

Đặng Thanh Phước

Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Trinh
 Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Hoàn thuế phải thu	Giảm thuế phải thu do thoái vốn	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.556.027.112	-	48.928.413.421	(49.520.447.348)	-	-	1.963.993.185	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	12.332.169.900	(12.332.169.900)	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.834.975	897.543.863	(906.082.345)	-	-	-	19.373.457
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.209.545.375	1.215.084.609	3.601.848.491	(6.290.242.732)	-	-	1.829.543.732	4.523.477.207
Thuế thu nhập cá nhân	7.627.314.790	4.083.446	19.802.133.360	(22.033.615.374)	-	6.230.768	5.397.980.098	-
Thuế tài nguyên	29.093.879	-	614.797.720	(598.566.320)	-	-	45.325.279	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	14.740.518.247	14.672.851.384	14.410.779.637	(12.354.568.728)	14.672.851.384	-	16.796.729.156	-
Thuế nhà thầu	-	-	251.709.993	(251.709.993)	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	36.500.000	(36.500.000)	-	-	-	-
Cộng	26.162.499.403	15.902.854.414	100.875.896.385	(104.323.902.740)	14.672.851.384	6.230.768	26.033.571.450	4.542.850.664

(Signature)

Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu

(Signature)

Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Phạm Xuân Trinh
 Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhôm Phú, Khu phố 3, Phường Tầng Nhôm Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác (do tiền lãi nhập vào vốn gốc)	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Cấn trừ kỷ quỹ	Số cuối năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan	20.000.000.000	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.561.016.141.884	4.527.176.948.980	222.136.829.310	-	(323.612.159)	(4.575.098.978.096)	(164.356.953)	1.734.742.972.966
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.397.619.520.206	4.527.176.948.980	-	-	(500.217.494)	(4.416.204.111.239)	-	1.508.092.140.453
Vay dài hạn đến hạn trả	42.963.918.851	-	87.481.693.148	-	150.806.450	(38.643.612.605)	-	91.952.805.844
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	6.432.702.827	-	4.655.136.162	-	25.798.885	(6.251.254.252)	(164.356.953)	4.698.026.669
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	114.000.000.000	-	130.000.000.000	-	-	(114.000.000.000)	-	130.000.000.000
Cộng	1.581.016.141.884	4.527.176.948.980	222.136.829.310	-	(323.612.159)	(4.575.098.978.096)	(164.356.953)	1.754.742.972.966

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Tăng khác (do tiền lãi nhập vào vốn gốc)	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển thu nhập khác	Số cuối năm
Vay dài hạn các bên liên quan	529.148.465.922	-	-	-	11.870.055.754	-	-	541.018.521.676
Vay dài hạn ngân hàng	594.621.367.686	73.165.773.831	(74.441.693.148)	-	3.478.903.922	(4.003.353.841)	-	592.820.998.450
Vay dài hạn các tổ chức khác	106.181.598.080	15.000.000.000	(13.040.000.000)	-	-	(24.000.000.000)	(70.331.598.080)	13.810.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	153.382.839.308	130.195.535.420	-	2.432.892.604	-	(160.847.043.156)	-	125.164.224.176
Nợ thuê tài chính	19.540.727.603	-	(4.655.136.162)	-	388.863.991	(70.000.000.000)	-	15.274.455.432
Trái phiếu thường	200.000.000.000	-	(130.000.000.000)	-	-	-	-	-
Cộng	1.602.874.998.599	218.361.309.251	(222.136.829.310)	2.432.892.604	15.737.823.667	(258.850.396.997)	(70.331.598.080)	1.288.088.199.734

(Signature)

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

(Signature)

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	733.505.810.000	35.309.411.225	308.988.929.341	381.828.119	419.038.786.552	132.297.652.377	1.629.522.417.614
Tăng vốn từ lợi nhuận	13.203.100.000	-	-	-	(13.203.100.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	187.986.787.587	(767.869.430)	187.218.918.157
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(132.031.045.800)	(11.495.625.000)	(143.526.670.800)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	18.643.308.000	-	(46.261.406.952)	(763.817.170)	(28.381.916.122)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	(528.008.168)	(93.658.500)	(621.666.668)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	(33.171.544.481)	41.568.688.116	8.397.143.636
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2.075.332.360)	-	(2.075.332.360)
Số dư cuối năm trước	746.708.910.000	35.309.411.225	327.632.237.341	381.828.119	379.755.136.378	160.745.370.393	1.650.532.893.456
Số dư đầu năm nay	746.708.910.000	35.309.411.225	327.632.237.341	381.828.119	379.755.136.378	160.745.370.393	1.650.532.893.456
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	229.649.671.659	(12.036.629.091)	217.613.042.568
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(164.275.960.200)	(2.610.000.000)	(166.885.960.200)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	18.462.057.000	-	(49.677.714.986)	(340.354.041)	(31.556.012.027)
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-	(369.730.950)	(369.730.950)
Chi quỹ trong năm	-	-	(7.033.287.000)	-	-	-	(7.033.287.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành	-	-	-	-	(426.666.667)	-	(426.666.667)
Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	(90.674.447)	19.652.921.100	(57.996.561)	19.504.250.093
Số dư cuối năm nay	746.708.910.000	35.309.411.225	339.061.007.341	291.153.672	414.677.387.285	145.330.659.750	1.681.378.529.273

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Đặng Thanh Phước

Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng

Lê Thị Tú Anh

Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhôm Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác		Cộng
		Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.516.181.532.113	983.128.319.794	-	3.499.309.851.907
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.516.181.532.113	983.128.319.794	-	3.499.309.851.907
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	222.713.169.604	71.864.698.365	-	294.577.867.969
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(311.754.440.800)
Doanh thu hoạt động tài chính				(17.176.572.831)
Chi phí tài chính				37.029.365.364
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	335.532.434.810	(3.522.950.100)	-	(160.848.745.367)
Thu nhập khác				332.009.484.710
Chi phí khác				95.259.837.693
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(65.109.085.815)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(3.551.241.186)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	199.812.631.489	26.616.778.634	-	217.613.042.568
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	131.633.306.623	41.362.774.073	-	226.429.410.123
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	2.225.189.700	-	-	2.225.189.700

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.381.641.929.294	638.980.544.388	-	3.020.622.473.682
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.381.641.929.294	638.980.544.388	-	3.020.622.473.682
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				286.248.914.785
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	224.306.140.846	61.942.773.939	-	(303.797.936.519)
Doanh thu hoạt động tài chính				(17.549.021.734)
Chi phí tài chính				67.752.668.290
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	268.338.908.061	1.126.625.852		(151.503.506.659)
Thu nhập khác				269.465.533.913
Chi phí khác				26.763.225.637
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.854.568.941)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.776.684.279)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(78.728.071)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	469.202.198.244	36.315.471.892	-	187.218.918.156
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	124.956.504.246	33.929.216.668	-	505.517.670.136
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	228.372.313	-	-	228.372.313

4498
 NG T
 HIỆM H
 AN VÀ T
 & C
 T.P.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: Số 48 Tầng Nhom Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhom Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 05: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.873.318.630.047	950.205.756.853	-	3.823.524.386.900	
Tài sản phân bổ cho bộ phận	11.328.938.850	9.789.943.759	-	21.118.882.609	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.583.204.251.616	
Tổng tài sản				5.427.847.521.125	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.400.528.198.628	1.125.522.326.473	-	3.526.050.525.101	
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	11.179.209.511	9.362.300.242	-	20.541.509.753	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				199.876.956.998	
Tổng nợ phải trả				3.746.468.991.852	
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.564.075.002.718	971.104.717.173	-	3.535.179.719.891	
Tài sản phân bổ cho bộ phận	22.826.472.755	18.963.233.583	-	41.789.706.339	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.734.759.123.930	
Tổng tài sản				5.311.728.550.160	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.963.292.494.634	1.497.610.669.663	-	3.460.903.164.297	
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	8.656.415.895	7.191.371.105	-	15.847.787.000	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				184.444.705.407	
Tổng nợ phải trả				3.661.195.656.704	

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Đặng Thanh Phước

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu